

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/ST - HNGĐ

Ngày: 29/5/2020.

V/v xin ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Khuất Thị Toàn.

2. Bà: Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/ QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thanh T

Địa chỉ: SN 21, đường P, tổ 07, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Thế V

Địa chỉ: SN 21, ngõ 15, phố Y, tổ 08, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đỗ Thanh T trình bày: Chị và anh Đặng Thế V kết hôn ngày 08/3/2011, có đăng ký tại UBND phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, đến tháng 7 năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V chơi bời, cờ bạc dẫn đến năm 2016 chị làm đơn xin ly hôn, anh V hứa sửa chữa và xin cho anh được cơ hội chị đã rút đơn về đoàn tụ với nhau. Khoảng thời gian quay về từ năm 2016 đã về đoàn tụ nhưng về cuộc sống vợ chồng nảy sinh còn nhiều bất đồng quan điểm, không có sự hòa thuận và chia sẻ cho nhau dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được, chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung anh chị có 01 con chung cháu Đặng Quỳnh A; sinh ngày 24/3/2012, Ly hôn chị T đề nghị là người được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 26/02/2020 bị đơn anh Đặng Thế V xác nhận: Vợ chồng đăng ký ngày 08/3/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố H, tự nguyện kết hôn và chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên những năm gần đây có phát sinh mâu thuẫn vì lý do vợ chồng chung sống với nhau luôn có những mâu thuẫn đã được hòa giải đoàn tụ. Đến những năm gần đây chị T đi quan hệ với người khác dẫn đến vợ chồng lại mâu thuẫn về tình cảm và chị T cố tình làm đơn xin ly hôn với anh. Anh V xác nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/ 2019 cho đến nay. Quan điểm của anh V không đồng ý ly hôn mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Có một con chung Đặng Quỳnh A; sinh ngày 24/3/2012. Trường hợp phải ly hôn anh V đề nghị được trực tiếp nuôi con, không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có;

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do vậy Tòa án mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn; anh V vắng mặt tại phiên tòa không đưa ra được quan điểm yêu cầu của mình.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thành phố H:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật TTDS, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại 70, 71 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1, Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147 Bộ luật TTDS; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thương được ly hôn với anh V;

Về con chung: Giao cháu Đặng Quỳnh A; SN: 24/3/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Thế V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đảm bảo đúng theo trình tự tố tụng. Trong vụ án này yêu cầu khởi kiện của đương sự là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Quan hệ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thanh T và anh Đặng Thế V kết hôn ngày 08/3/2011, có đăng ký tại UBND phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn là do tự nguyện, nguyên nhân xin ly hôn theo chị T trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải được dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân nhau đã lâu. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đã làm đơn xin ly hôn với anh V.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh V, bị đơn anh V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không đưa được quan điểm yêu cầu của mình, tại bản tự khai cũng như tại phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải anh V không nhất trí ly hôn, đề nghị chị T quay về đoàn tụ. Quá trình xác minh được chính quyền cơ sở xác nhận vợ chồng chị T, anh V trong thời gian chung sống với nhau anh V có đăng ký tạm trú tại tổ 8, phường T, TP Hà Giang ở với mẹ đẻ là bà Phan Thị H từ khi bà H tạm trú tại tổ anh V Thường xuyên phải đi làm xa nhà, còn chị T không thấy ở nhà bà H. Vợ chồng mâu thuẫn hay không tổ không nắm được chỉ biết là hiện tại anh V, chị T không ở cùng nhau, chị T đã bỏ về bên ngoại ở tại tổ 7, phường M ở, vợ chồng anh chị đã sống ly thân và có 01 con chung hiện nay đang ở cùng với chị T. Xét về tình cảm vợ chồng chị T, anh V đã bị sút mẻ, đã sống ly thân nhau, hơn nữa chị T đã làm đơn ra Tòa một lần sau đó vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng vợ chồng không cải thiện được, nếu cố níu kéo để chị T quay lại đoàn tụ chung sống với anh V thì cũng không có hạnh phúc mà còn ảnh hưởng đến cuộc sống sau này cho cả hai bên. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh V đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh V có 01 con chung tên là Đặng Quỳnh A; sinh ngày 24/3/2012. Hiện tại cháu A đang ở cùng chị T, nay chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời theo nguyện vọng của cháu A, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Xét thấy để đảm bảo việc học tập và sinh hoạt của cháu A cần chấp nhận theo nguyện vọng của cháu A, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu là phù hợp đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung vì vậy anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thanh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thanh T về việc xin ly hôn với anh Đặng Thế V.

2. Xử cho chị Đỗ Thanh T được ly hôn với anh Đặng Thế V.

3. Xử về con chung: Giao cho chị Đỗ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đặng Quỳnh A; sinh ngày 24/3/2012 đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đỗ Thanh T phải chịu 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 01499 ngày 12/02/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSNDTPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- C.C THATPH;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Ma Thị Nghi

